

Số: 68 /TB-STNMT

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO

Kết luận kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Nhà máy đường 333 - Công ty Cổ phần Mía đường 333

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Trên cơ sở kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Nhà máy đường 333 - Công ty CP Mía đường 333 của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 19/4/2019, kết quả giám định môi trường và các hồ sơ có liên quan.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết luận như sau:

1. Tình hình hoạt động, thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước

1.1. Thông tin chung

Nhà máy đặt tại Khối 1, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar; đi vào hoạt động từ năm 1995 với diện tích của cơ sở 9,895 ha; số lượng cán bộ, công nhân viên 284 người; công suất lắp đặt 3.500 tấn mía/ngày (nâng công suất từ 2500 tấn mía/ngày lên 3500 tấn mía/ngày từ tháng 6/2017, đi vào vận hành thử nghiệm từ ngày 01/02/2018 đến 04/7/2018 và xin gia hạn thời gian vận hành thử nghiệm từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/5/2019); lượng nước sử dụng cho sinh hoạt 18,6 m³/ngày đêm, cho sản xuất khoảng 600 - 700 m³/ngày đêm, nước làm mát và tạo chân không 39.000 m³/ngày đêm (được xử lý và tuần hoàn 100%); nguồn tiếp nhận nước thải là hồ Ea Knốp.

1.2. Tình hình thực hiện hồ sơ, nghĩa vụ pháp lý về BVMT và tài nguyên nước

UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án “Đầu tư nâng công suất nhà máy đường 333 từ 2500 tấn mía/ngày lên 3500 tấn mía/ngày” tại Quyết định 2866/QĐ-UBND ngày 13/10/2017; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 07/GP-UBND ngày 08/02/2018 (lưu lượng xả thải lớn nhất 1300 m³/ngày đêm, thời hạn đến 08/02/2022), Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 42/GP-UBND ngày 16/10/2018 (lưu lượng khai thác lớn nhất 6.720 m³/ngày đêm, thời hạn đến 16/10/2023). Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) số 66.000023.T ngày 05/02/2013; Giấy phép khai thác nước dưới đất số 171/GP-STNMT ngày 12/6/2009.

Đơn vị đã lập kế hoạch quản lý môi trường và niêm yết công khai tại cơ sở; lập phương án BVMT theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT; đã kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt; đã lập và nộp báo cáo giám sát môi trường định kỳ đến quý 1 năm 2019; đã thực hiện báo cáo quản lý CTNH, báo cáo tình

hình khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước năm 2017, 2018; đã kê khai và nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp đến quý 1/2019.

Đơn vị đã lập Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Đầu tư nâng công suất nhà máy đường 333 từ 2500 tấn mía/ngày lên 3500 tấn mía/ngày" và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Biện pháp kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và tài nguyên nước tại cơ sở

- *Về nước thải:* Nước thải sinh hoạt ($18,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất (khoảng $600 - 700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) được thu gom đưa về hệ thống xử lý (HTXL) nước thải với công suất thiết kế $1500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (nâng cấp từ HTXL nước thải công suất $1000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là hồ Ea Knốp.

Nước thải từ HTXL khí thải được dẫn về HTXL lắng tro, nước sau xử lý được bơm tuần hoàn để dập bụi trong HTXL khí thải và không thải ra môi trường.

Nước làm mát thiết bị ($1800 \text{ m}^3/\text{giờ}$) được xử lý qua hệ thống giải nhiệt (công suất $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$) và tuần hoàn trở lại 100%; lượng nước bổ sung khoảng $300 - 400 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Đơn vị đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng mương bê tông dẫn về hố ga có song chắn rác, sau đó thoát ra hồ Ea Knốp.

- *Về chất thải rắn:* Chất thải sinh hoạt ($40 \text{ kg}/\text{ngày}$) được thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đô thị Ea Kar để vận chuyển, xử lý (Hợp đồng số 06/HĐ-CT ngày 09/01/2019). Chất thải sản xuất gồm: Bã mía ($100 \text{ tấn}/\text{ngày}$) được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi và một phần được bán cho Công ty TNHH TM Hải Đăng (Hợp đồng số 46/HĐMB ngày 02/01/2019); bùn mía ($175 \text{ tấn}/\text{ngày}$), tro thải từ lò hơi và tro đốt bã mía ($35 \text{ tấn}/\text{ngày}$) được bán cho ông Trần Hữu Quang (Hợp đồng số 44/HĐMB ngày 12/01/2019).

- *Về chất thải nguy hại:* Đơn vị đã bố trí kho lưu giữ CTNH tại cơ sở, CTNH đang lưu giữ tại kho gồm: bóng đèn huỳnh quang thải (30 kg), bao bì đựng hóa chất (1000 kg); 2018 đơn vị đã chuyển giao 02 đợt CTNH (5690 kg) cho Công ty TNHH TM&DV Môi Trường Việt (theo Hợp đồng số 52/HĐKT-CTNH/2018).

- *Về bụi, khí thải và tiếng ồn:* Khí thải phát sinh từ 02 lò hơi (01 lò hơi công suất $40 \text{ tấn}/\text{giờ}$ và 01 lò hơi công suất $60 \text{ tấn}/\text{giờ}$), được xử lý qua HTXL khí thải bằng phương pháp khử bụi ướt (hấp thụ ngược), sau đó được phát tán ra môi trường qua ống khói (đơn vị đã lắp đặt 02 thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục và đang vận hành thử nghiệm); bổ sung nhà che bụi khu vực bã thừa, đổ bê tông khu vực nhà máy, bãi đậu xe mía để giảm thiểu bụi; lắp đặt thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật, vận hành đúng quy trình và kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời đúng yêu cầu kỹ thuật. Theo kết quả giám sát khí thải tại nhà máy (Kết quả khảo sát đo đạc môi trường số 323-03/18-1/KQPT ngày 09/4/2019 do Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động thực hiện) cho thấy, các thông số được giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

1.4. Kết quả giám định nước thải, nước mặt và nước dưới đất

Việc lấy mẫu và phân tích được thực hiện bởi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

- Mẫu nước thải lấy tại đầu ra của HTXL nước thải của Nhà máy (theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 107C/TTQT ngày 03/5/2019), so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; hệ số $K_q = 0,8$; $K_f = 1,0$) cho thấy: hầu hết các thông số đều đảm bảo quy chuẩn cho phép (QCCP), chỉ có thông số BOD_5 vượt 1,05 lần ($BOD_5 = 42 \text{ mg/l}$, $QCCP \leq 40 \text{ mg/l}$).

- Mẫu nước mặt hồ Ea Knốp tại 03 vị trí (theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 107B/TTQT ngày 03/5/2019) so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B₁ - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự) cho thấy:

+ Mẫu nước tại điểm tiếp nhận nước thải sau xử lý (ngay cửa xả của hệ thống xử lý nước thải Nhà máy đường 333) có 04/19 thông số không đảm bảo QCCP, cụ thể: $DO = 3,6$ ($QCCP \geq 4 \text{ mg/l}$); $BOD_5 = 23,3 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 15 \text{ mg/l}$) vượt 1,55 lần; $COD = 54,4 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 30 \text{ mg/l}$) vượt 1,81 lần; $Nitrit = 0,232 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 0,05 \text{ mg/l}$) vượt 4,64 lần.

+ Mẫu nước giữa hồ Ea Knốp (cách điểm xả nước thải của Nhà máy khoảng 60m về phía Bắc) có 04/19 thông số không đảm bảo QCCP, cụ thể: $BOD_5 = 28,3 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 15 \text{ mg/l}$) vượt 1,89 lần; $COD = 60,8 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 30 \text{ mg/l}$) vượt 2,02 lần; $Nitrit = 0,214 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 0,05 \text{ mg/l}$) vượt 4,28 lần; $Coliform = 15.000 \text{ MPN/100 ml}$ ($QCCP \leq 7.500 \text{ MNP/100 ml}$) vượt 2,0 lần.

+ Mẫu nước thượng nguồn hồ Ea Knốp (ngay vị trí bơm cấp nước sản xuất của Nhà máy đường 333, cách điểm xả 200 m) có 04/19 thông số không đảm bảo QCCP, cụ thể: $DO = 3,9$ ($QCCP \geq 4 \text{ mg/l}$); $BOD_5 = 19,8 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 15 \text{ mg/l}$) vượt 1,32 lần; $COD = 48 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 30 \text{ mg/l}$) vượt 1,6 lần; $Nitrit = 0,187 \text{ mg/l}$ ($QCCP \leq 0,05 \text{ mg/l}$) vượt 3,74 lần.

- Mẫu nước dưới đất tại hộ ông Phạm Văn Bình (theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 107B/TTQT ngày 03/5/2019) so với QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất cho thấy 14/14 thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

1.5. Việc khắc phục một số tồn tại theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra trước

Đơn vị đã thực hiện các nội dung:

- Lắp đặt hệ thống xử lý nước làm mát và đang vận hành thử nghiệm;
- Xây dựng hồ điều hòa đảm bảo thể tích theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt;
- Lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải, nước thải tự động liên tục và đang vận hành thử nghiệm;
- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khai thác nước mặt, nước dưới đất; lập Sổ theo dõi lượng nước khai thác; báo cáo tình hình khai thác nước mặt, nước dưới đất;

- Bố trí kho lưu giữ CTNH theo quy định, năm 2018 có chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng;

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá

2.1. Việc chấp hành pháp luật về BVMT và tài nguyên nước của đơn vị

Trong quá trình hoạt động, đơn vị đã thực hiện cơ bản hồ sơ pháp lý, nghĩa vụ tài chính, các biện pháp BVMT và tài nguyên nước, cụ thể: đã lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM; cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước ngầm, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; xây dựng công trình thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở (khí thải, nước thải, chất thải rắn). Đơn vị đã lập và nộp báo cáo giám sát môi trường định kỳ, báo cáo quản lý CTNH, báo cáo tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; kê khai và nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp; đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục nước thải, khí thải; lập báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Đối với nước mặt hồ Ea Knốp

Hồ Ea Knốp là hồ tĩnh, là hợp thủy của nhiều nhánh suối và các hoạt động dân sinh (hoạt động chăn nuôi của các hộ dân dọc bờ hồ, hoạt động sinh hoạt của người dân...), do vậy các tác động gây ô nhiễm là tiềm tàng.

Chất lượng nước mặt hồ Ea Knốp có 5 thông số không đảm bảo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - cột B₁ (các thông số: DO, BOD₅, COD, Nitrit, coliform). Nguồn gây ô nhiễm nước hồ Ea Knốp chủ yếu là hàm lượng các chất hữu cơ (thông qua hàm lượng BOD₅, COD), đây cũng là nguyên nhân làm giảm hàm lượng oxy hòa tan (DO) trong nước (do quá trình phân hủy các chất hữu cơ).

Điều đáng lưu ý là hàm lượng DO trong nước hồ Ea Knốp rất thấp, gây ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch cũng như hệ sinh thái của hồ (DO rất cần thiết cho sự hô hấp của sinh vật dưới nước, khi nồng độ DO quá thấp sẽ dẫn đến hiện tượng khó hô hấp, giảm hoạt động ở các loài động thực vật dưới nước và có thể gây chết).

2.3. Đánh giá:

Theo kết quả giám định mẫu nước thải của nhà máy mía đường 333 và kết quả giám định chất lượng nước hồ vào tháng 4 năm 2019 cho thấy: Chưa có cơ sở để khẳng định nước thải của Nhà máy đường 333 gây ô nhiễm nước hồ Ea Knốp.

Tại thời điểm kiểm tra, Nhà máy đang hoạt động và không có hiện tượng "xả khói đen kịt" như phản ánh của Báo điện tử Ngày mới; Theo đại diện của Phòng Tài nguyên và Môi trường, từ đầu vụ năm 2019 đến nay không nhận được phản ánh của người dân liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy.

Vì vậy, xác định chính xác các nguy cơ và nguyên nhân gây ô nhiễm nước mặt hồ Ea Knốp, cần thiết phải xác định rõ các nguồn thải và đánh giá tác động của các nguồn thải đến chất lượng nước hồ Ea Knốp, từ đó có biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường phù hợp đối với hồ Ea Knốp; đồng thời để xác định các tác động của

Nhà máy đến môi trường xung quanh thì cần tiếp tục kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà máy.

3. Đề nghị, yêu cầu

3.1. Yêu cầu đối với Công ty CP Mía đường 333

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về BVMT và tài nguyên nước; nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt, Giấy phép khai thác sử dụng nước, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Thực hiện việc truyền dẫn số liệu quan trắc khí thải, nước thải tự động liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Báo cáo cụ thể việc quản lý, sử dụng hồ Ea Knốp của đơn vị cho cơ quan có chức năng; Phối hợp với chính quyền địa phương xác định hành lang bảo vệ hồ Ea Knốp để có biện pháp quản lý trong thời gian tới cho phù hợp.

- Chấm dứt việc xả thải nước làm mát ra môi trường, chỉ được xả nước làm mát ra môi trường khi đã được cấp có thẩm quyền cấp phép xả thải; Quản lý chặt chẽ đối với nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà máy và không để lẫn với nước làm mát.

- Có biện pháp điều phối xe ra vào nhà máy phù hợp để hạn chế phát sinh bụi.

3.2. Giao Thanh tra Sở; Chi cục Bảo vệ môi trường; Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu: Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT và tài nguyên nước đối với đơn vị.

3.3. Đề nghị UBND huyện Ea Kar chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chuyên môn của huyện:

- Chủ trì, phối hợp với Công ty CP Mía đường 333 và các đơn vị có liên quan xác định hành lang bảo vệ hồ Ea Knốp và có biện pháp quản lý phù hợp theo quy định; Điều tra, thống kê các nguồn thải vào hồ Ea Knốp và xử lý đối với các đối tượng vi phạm hành lang bảo vệ hồ Ea Knop theo quy định

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT và tài nguyên nước trên địa bàn huyện; chủ động giải quyết các phản ánh, kiến nghị phát sinh trên địa bàn và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước theo quy định; đồng thời thông báo kết quả trên để người dân được biết.

Đề nghị Công ty Cổ phần Mía đường 333 và các đơn vị liên quan thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Mía đường 333 (để thực hiện);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để phản hồi báo chí);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Ttra Sở; Phòng TNN, KTTV&BĐKH;
- UBND huyện Ea Kar, Phòng TN&MT huyện Ea Kar;
- Lưu: VT, BVMT (M.10).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Xuân Ngân